TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 10 – 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươnne;

Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2020/QĐST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965 và ông Lê Văn H, sinh năm 1962, cùng địa chỉ: Số X, Ấp An Lợi, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đều có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Hồ Thị Diễm T (X), sinh năm 1973 và ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1974, cùng địa chỉ: Số Y, Ấp An Lợi, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đều vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1962, địa chỉ: Số Z, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

2. Bà Dương Thị Đ1, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

4. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1959, vắng mặt.

5. Ông Hứa Văn U (tên gọi khác D), sinh năm 1969, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Văn H thống nhất trình bày*:

Vợ chồng Ông, Bà có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng bà Hồ Thị Diễm T, ông Nguyễn Hoàng V làm chủ, trong các dây hụi vợ chồng Ông, Bà ghi tên "*chị H*", vợ chồng ghi tên "*X*", cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2017 âm lịch, mãn ngày 15/07/2019 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, có 20 chưng, vợ chồng Ông, Bà tham gia 01 chưng, đóng hụi sống được 19 lần với số tiền 13.300.000 đồng và hốt hụi chót, nhưng vợ chồng bà T, ông V chỉ giao được 10.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 8.500.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/7/2018 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, mãn ngày 05/12/2019 âm lịch, có 17 chưng, vợ chồng Ông, Bà tham gia 01 chưng, đóng hụi sống được 13 lần với số tiền 9.100.000 đồng, đến tháng 7/2019, bà T không khui nữa. Dây hụi này vợ chồng bà T, ông V còn nợ 9.100.000 đồng.

Dây 3: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 20/10/2018 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 20 chưng, vợ chồng Ông, Bà tham gia 01 chưng, đóng hụi sống được 09 lần với số tiền 6.300.000 đồng, đến tháng 7/2019, bà T không khui nữa. Dây hụi này vợ chồng bà T, ông V còn nợ 6.300.000 đồng.

Tổng cộng Ba dây hụi nêu trên, vợ chồng bà T, ông V còn nợ tiền hụi là 23.900.000 đồng.

Nay vợ chồng Ông, Bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà Hồ Thị Diễm T và ông Nguyễn Hoàng V trả số tiền nợ hụi 23.900.000 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020, người làm chứng bà Nguyễn Hồng Đ trình bày*:

Bà không có quan hệ bà con, thân thích gì với vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H và vợ chồng Hồ Thị Diễm T và ông Nguyễn Hoàng V, bà là hụi viên chơi hụi chung với vợ chồng ông H, bà Y, hụi do vợ chồng bà T và ông V làm chủ. Cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2017 âm lịch, mãn ngày 15/07/2019 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, có 20 chưng, bà tham gia 01 chưng, cùng với vợ chồng ông H, bà Y (để tên H trong dây hụi), đóng được 19 lần hụi sống, thì bà T bỏ đi vào cuối tháng 7/2019 âm lịch, không khui hụi nữa, còn nợ tiền hụi của bà và vợ chồng ông H, bà Y.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/7/2018 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 17 chưng, bà và vợ chồng ông H, bà Y tham gia mỗi người 01 chưng, đóng hụi sống được 13 lần, đến tháng 7/2019, bà T bỏ đi, không khui

nữa. Dây hụi này vợ chồng bà T, ông V còn nợ tiền hụi của bà và vợ chồng ông H, bà Y.

Bà T ghi tên trong giấy hụi là Đầu thảo Út Xôi và ghi tên hụi viên là X, vì bà T bán xôi ở ngoài chợ Đ-Đại An. Bà ghi tên trong dây hụi là chị Kh và vợ anh Kh. Ông V, chồng bà T cũng biết việc bà T chơi hụi. Bà cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2020, người làm chứng bà Đỗ Thị M trình bày*:

Bà không có quan hệ bà con, thân thích hay mâu thuẫn gì với vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Y và vợ chồng bà Hồ Thị Diễm T, ông Nguyễn Hoàng V, bà là hụi viên tham gia chơi hụi chung với vợ chồng ông H, bà Y, hụi do vợ chồng bà T, ông V làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, có 20 chưng, bà tham gia 01 chưng (để tên Ba K), vợ chồng bà Y tham gia 01 chưng (để tên H). Bà đã hốt hụi nhưng chưa được giao tiền.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 20/10/2018 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, có 20 chưng, bà tham gia 01 chưng (để tên Ba K), vợ chồng bà Y tham gia 01 chưng. Dây hụi này, cả hai đều còn hụi sống, chưa hốt.

Dây 3: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/7/2018 âm lịch, bà tham gia 01 chưng (để tên Ba K), vợ chồng bà Y tham gia 01 chưng (để tên chị H), cả hai đều còn hụi sống.

Bà đóng hụi sống đến tháng 7/2019 âm lịch, thì bà T, ông V ngưng khui hụi cho đến nay và còn nợ tiền hụi của bà và bà Y. Bà cam đoan lời khai của mình là sự thật.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2020, người làm chứng ông Hứa Văn U trình bày*:

Ông không có quan hệ bà con, thân thích hay mâu thuẫn gì với vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Y và vợ chồng bà Hồ Thị Diễm T, ông Nguyễn Hoàng V, ông là hụi viên tham gia chơi hụi chung với vợ chồng ông H, bà Y, hụi do vợ chồng bà T, ông V làm chủ, cụ thể: Ông tham gia dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, ông tham gia 01 chưng, đã hốt, vợ chồng bà Y tham gia 01 chưng. Dây hụi này, bà Y hốt hụi chót và ông biết chủ hụi chưa giao tiền hụi, vì bà T đã bỏ đi, ngưng khui hụi đến nay. Ông cam đoan lời khai của mình là sự thật.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2020, người làm chứng bà Dương Thị Đ1 trình bày*:

Bà không có quan hệ bà con, thân thích hay mâu thuẫn gì với vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Y và vợ chồng bà Hồ Thị Diễm T, ông Nguyễn Hoàng V, bà là hụi viên tham gia chơi hụi chung với vợ chồng ông H, bà Y, hụi do vợ chồng bà T, ông V làm chủ, cụ thể: Bà tham gia dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, bà tham gia 01

chưng, đã hốt, bà Y (vợ ông H) tham gia 01 chưng. Dây hụi này bà Y hốt hụi chót, chủ hụi có giao tiền cho bà Y không, bà không biết, nhưng bà biết khi bà Y hốt hụi chót thì bà T ngưng khui hụi đến nay. Bà cam đoan lời khai của mình là sự thật.

**Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V và bà Hồ Thị Diễm T đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn, người làm chứng bà Đang đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các bị đơn và người làm chứng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Theo biên bản xác minh ngày 08/9/2020, Công an xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Vợ chồng ông Nguyễn Hoàng V và bà Hồ Thị Diễm T hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Số Z, ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự, về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, cụ thể về việc xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*"a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ*

và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

[3] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V và bà Hồ Thị Diễm T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; Những người làm chứng bà Đỗ Thị M, bà Dương Thị Đ1 và ông Hứa Văn U đều vắng mặt không rõ lý do, nhưng họ đã có lời khai được Tòa án thu thập. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

- Về nội dung

[4] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết Hợp đồng góp hụi với nhau, theo Ba dây hụi tháng mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn cho rằng: Ba dây hụi tháng đã khởi kiện nêu trên, có những người tham gia chơi hụi chung biết rõ, là những người làm chứng ông Hứa Văn U, bà Nguyễn Hồng Đ, bà Dương Thị Đ1 và bà Đỗ Thị M. Lời trình bày này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp với lời khai của những người làm chứng và danh sách hụi viên mà nguyên đơn đã cung cấp.

[6] Về số tiền nợ hụi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi của Ba dây hụi tháng nêu trên là 23.900.000 đồng, những người làm chứng ông Hứa Văn U, bà Nguyễn Hồng Đ và bà Đỗ Thị M cũng xác định có tham gia chơi hụi cùng với nguyên đơn trong Ba dây hụi tháng nêu trên và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền này, vì bị đơn bà T đã bỏ đi, không khui hụi từ tháng 7/2019 âm lịch, đến nay.

[7] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *"Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ".* Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Họ, hụi, biêu, phường: "*Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên*".

[8] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hụi với nhau, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 23.9000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Văn H, buộc vợ chồng bà Hồ Thị Diễm T, ông Nguyễn Hoàng V phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 23.900.000 đồng.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên ông H và bà Y không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Vợ chồng bà T, ông V phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 23.900.000 đồng x 5% = 1.195.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Văn H, buộc vợ chồng bà Hồ Thị Diễm T và ông Nguyễn Hoàng V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Y, ông H số tiền nợ hụi 23.900.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Y, ông H không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 597.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004317, ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc vợ chồng bà T, ông V phải liên đới chịu 1.195.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vinh Thắng